

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**
Bản án số: **638** /2020/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 9 - 2020
V/v **Tranh chấp ly hôn và nuôi con**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn;**

Các hội thẩm nhân dân:

+ Ông: **Tạ Công Minh;**

+ Ông : **Nguyễn Văn Y;**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: bà **Lương Thị Trà My** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 426/2020/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc: “tranh chấp ly hôn và nuôi con”

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2020/QĐST-HN ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : **Nguyễn Thị Như N** sinh năm 1986;

Địa chỉ : ấp LT, xã LA, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn : **Nguyễn Tuấn A**, sinh năm 1986;

Địa chỉ : ấp LT, xã LA, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, Tờ tự khai cũng như trong quá trình giải quyết nguyên đơn Nguyễn Thị Như N trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Tuấn A cưới nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long An, huyện Châu Thành. Từ khi sống chung, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, khoảng đầu năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến, anh Tuấn A cờ bạc, ghen tuông, đánh, làm nhục (lột quần áo) chị trước mặt mọi người. Chị cảm thấy không thể sống chung với anh Tuấn A được nữa nên đã bỏ về nhà cha mẹ sống. Trong thời gian ly thân, chị cũng cho anh cơ hội để hai bên hòa giải nhưng anh Tuấn A thường xuyên nhấn tin đe dọa sẽ giết chết chị và hai con nên chị không thể hàn gắn được. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn. Chị làm đơn yêu cầu Tòa giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.
- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Minh T sinh ngày 30/3/2008; Nguyễn Minh T1 sinh ngày 09/6/2012. Hai cháu T, T1 hiện do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con.
- Về cấp dưỡng: Chị N đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng.
- Tài sản chung, nợ chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

*** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Tuấn A trình bày:**

Anh thừa nhận lời khai của Chị N về thời điểm kết hôn, quá trình sống chung, con chung, tài sản chung, nợ chung và mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Thời gian đầu sống chung rất hạnh phúc. Đến 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh có chơi cờ bạc nhưng đã chấm dứt gần một năm nay. Đầu năm 2020, do anh ghen tuông mù quáng, trong lúc nhậu say anh có đánh và cởi quần áo Chị N nên Chị N bỏ đi về nhà cha mẹ ruột và cắt đứt quan hệ vợ chồng với anh khoảng hơn 4 tháng nay. Trong thời gian ly thân, anh rất hối hận và biết anh đã sai trái với vợ nên có nan nỉ vợ và cha mẹ vợ nhiều lần để hàn tình cảm vợ chồng nhưng Chị N không đồng ý. Vì quá thương vợ nên anh có nhấn tin nói nếu mất vợ thì anh sẽ chết hoặc cả hai cùng chết. Nay Chị N khởi kiện anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn. Vì anh còn thương Chị N rất nhiều.
- Về con chung: Nếu Tòa án cho ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung : Anh không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn Nguyễn Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tuấn A theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Như N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A và yêu cầu nuôi con chung. Hội đồng xét xử (HĐXX) xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị Như N và anh Nguyễn Tuấn A sống chung có đăng ký kết hôn năm 2007 theo đúng quy định Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét lời khai chị Nguyễn Thị Như N và anh Nguyễn Tuấn A thống nhất về thời điểm kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn. Do vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định các tình tiết nêu trên là sự thật.

Xét quá trình sống chung anh chị sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Chị N cho rằng anh Tuấn A nhiều lần cờ bạc, ghen tuông vô cớ, thậm chí đánh và làm nhục chị trước mặt mọi người nên chị không thể sống chung với anh Tuấn A được nữa; Tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Tuấn A không còn. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của Chị N và anh Tuấn A cũng thể hiện anh chị đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Xét ý kiến anh Tuấn A không đồng ý ly hôn với Chị N, Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ nhưng Chị N vẫn cương quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa Chị N và anh Tuấn A không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Như N.

[4] Về nuôi con chung: Cháu Nguyễn Minh T và Nguyễn Minh T1 chưa đủ 18 tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha hoặc mẹ. Chị N có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, anh Tuấn A cũng đồng ý giao hai con cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi Chị N và anh Tuấn A không còn sống chung, cháu T và cháu T1 do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo về vật chất lẫn tinh thần, cuộc sống đã ổn định; Nguyện vọng của hai cháu

cũng muốn được Chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy cần giao hai cháu cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của trẻ em. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu giao con chung cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Tuấn A được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] **Về cấp dưỡng:** Chị N trình bày hiện tại đủ điều kiện để nuôi con chưa yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con. HĐXX ghi nhận và không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6] **Về tài sản chung, nợ chung:** các bên đương sự không có tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết. HĐXX không xem xét.

[7] **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Như N phải chịu án phí DSST trong vụ án ly hôn theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

[8] **Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát** là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích trên. HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 5, 92, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Như N.

- **Về hôn nhân:** Cho chị Nguyễn Thị Như N ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

- **Về nuôi con chung:** Giao hai con chung tên Nguyễn Minh T sinh ngày 30/3/2008; Nguyễn Minh T1 sinh ngày 09/6/2012 cho chị Nguyễn Thị Như N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Tuấn A được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về cấp dưỡng:** không xem xét.

- **Tài sản chung:** không xem xét.

- **Về nợ chung:** Không xem xét.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Như N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Như N đã nộp theo biên lai thu số 0002929 ngày 22/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TG
- VKSND.huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS. huyện châu Thành;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các Đ/S
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thanh Nhàn